

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 1677/KDTM-ST
Ngày: 17/5/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1557/2022/QĐXXST- KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 712/2022/QĐXXST- DS ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà L, số A đường B, phường C, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng N (Theo giấy ủy quyền số 13/UQ-MK)

- Bị đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Số W đường X, khu phố Y, phường Z, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm V

Địa chỉ: Số D đường E, khu phố F, phường G, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện của nguyên đơn Cổ phần Đầu tư Xây dựng K có người đại diện hợp pháp Ông Nguyễn Hồng Nguyên trình bày:

Theo hợp đồng mua bán bê tông số 440/KD/2019/CC1-MK ký ngày 01/10/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01 số 440/KD/2019/CC1-MK/PL01 ngày 01/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K và Công ty TNHH C về việc cung cấp bê tông và dịch vụ phục vụ cho Công trình Dự án nhà văn phòng số H&I Thạch Thị Thanh, Quận 1, Tp HCM; Số M&N Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh; Số O Ngô Nhân Tịnh, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K đã cung cấp cho Công ty TNHH C từ ngày 01/10/2019 đến 30/7/2020 một khối lượng bê tông tươi là 582.5 m³ bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông 367.5 m³ và 15 ca bơm bê tông bơm cho công trình: Dự án nhà văn phòng H&I Thạch Thị Thanh, Quận 1, Tp HCM; M&N Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh; Số O Ngô Nhân Tịnh, Quận 6, Tp HCM với tổng giá trị thành tiền là 877.685.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty TNHH C mới chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/6/2020 tổng số tiền là 622.580.000 đồng. Hai bên có ký xác nhận bằng đối chiếu công nợ chốt số liệu phần cung cấp và số liệu phần thanh toán (Đối chiếu công nợ 30/6/2020), Công ty TNHH C còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K số tiền là 241.725.000 đồng.

Từ ngày 01/07/2020 cho đến thời điểm hiện nay, Công ty TNHH C không thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K bất kỳ một khoản tiền nào. Mặc dù, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K đã rất nhiều lần yêu cầu thanh toán, đồng thời yêu cầu xác nhận bằng tính lãi chậm thanh toán từ đầu Công trình cho đến nay. Tuy nhiên, Công ty TNHH C không xác nhận lãi, có đưa ra kế hoạch thanh toán nhưng không thực hiện theo kế hoạch đưa ra. Nay yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán hết số tiền nợ gốc còn lại là: 241.725.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, tính từ ngày chốt công nợ (tính từ ngày 01/7/2020 cho đến ngày xét xử), tạm tính đến ngày 17/5/2022 với lãi suất theo quy định của Luật Thương mại là 8%/năm là 36.366.182 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là: 278.091.182 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí

Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử (HĐXX), ngoài vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 277.535.755 đồng; Về tiền lãi: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 8%/năm với số tiền 241.725.000 đồng từ ngày 01/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K và Công ty TNHH C phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về mua bán hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn - Công ty TNHH C có địa chỉ trụ sở trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH C vẫn đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tuy nhiên tại thời điểm tổng đạt công ty không treo biển. Không có nhân viên nhận văn bản, không gặp được người đại diện theo pháp luật. Do đó Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết tại địa chỉ của Công ty TNHH C và địa chỉ của người đại diện theo pháp luật theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tòa tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1557/2022/QĐXXST- KDTM ngày 22 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 712/2022/QĐXXST- DS ngày 15/4/2022 nhưng tại phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty CP Đầu tư Xây dựng K

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đơn kiện do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Theo hợp đồng mua bán bê tông số 440/KD/2019/CC1-MK ký ngày 01/10/2019 và Phụ lục hợp đồng số 01 số 440/KD/2019/CC1-MK/PL01 ngày 01/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K và Công ty TNHH C về việc cung cấp bê tông và dịch vụ phục vụ cho Công trình Dự án nhà văn phòng H&I Thạch Thị Thanh, Quận 1, Tp HCM; M&N Nguyễn Cửu Vân, Quận Bình Thạnh; Số O Ngô Nhân Tịnh, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã tiến hành giao một khối lượng bê tông tươi là 582.5 m³, bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông 367.5 m³ và 15 ca bơm bê tông bơm cho công trình hàng từ ngày 01/10/2019 đến 30/7/2020, với tổng giá trị thành tiền là 877.685.000 đồng. Công ty TNHH C mới chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K từ ngày 01/10/2019 đến ngày 30/6/2020 tổng số tiền là 622.580.000 đồng. Hai bên có ký xác nhận bằng đối chiếu công nợ chót số liệu phần cung cấp và số liệu phần thanh toán (Đối chiếu công nợ 30/6/2020), Công ty TNHH C còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K số tiền là 241.725.000 đồng.

Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về tiền lãi:

Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 30/6/2020 thì thời gian tính lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán được xác định từ ngày 01/7/2020 đến ngày 17/5/2022, tổng cộng là 22 tháng 17 ngày. Như vậy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả....”*. Căn cứ vào mức lãi suất cho vay ngắn hạn tham khảo tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam lãi suất 9,5%/năm, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam lãi suất 8,00%/năm, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam lãi suất 8,8%/năm. Như vậy, mức lãi suất trung bình của 3 ngân hàng trên là 8,76%/năm. Tuy nhiên, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 8%/năm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2020 đến ngày 17/5/2022 trên số tiền chưa thanh toán 241.725.000 đồng theo mức lãi suất 8%/năm x 22 tháng 17 ngày là 36.366.182 đồng;

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty TNHH C phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 241.725.000 đồng + tiền lãi 36.366.182 đồng, tổng cộng là 278.091.182 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu không trăm chín mươi một nghìn một trăm tám mươi hai đồng), thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn vắng mặt

nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đối với ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán cần rút kinh nghiệm về thời hạn giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án này liên quan đến Công ty không còn thực tế hoạt động, do đó Tòa án cần phải tiến hành xác minh, niêm yết công khai nhiều địa chỉ khác nhau của công ty và người đại diện theo pháp luật nên ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án. Đối với đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét ý kiến Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K:

Buộc Công ty TNHH C phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K số tiền hàng chưa thanh toán là 241.725.000 đồng + tiền lãi 36.366.182 đồng, tổng cộng là 278.091.182 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu không trăm chín mươi một nghìn một trăm tám mươi hai đồng), thanh toán làm một lần ngay khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 13.904.559 đồng

(Mười ba triệu chín trăm lẻ bốn đồng năm trăm năm chín đồng) buộc Công ty TNHH C phải nộp theo quy định.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng K toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 7.222.510 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm mười đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0028490 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân
Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự
Thành phố Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thanh Nga